# Phụ lục II

**CÁC MẪU KẾ HOẠCH 5 NĂM VÀ BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

**CỦA CƠ SỞ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM**

*Ban hành kèm theo Thông tư số /TT-BCT ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

|  |  |
| --- | --- |
| Mẫu 2.1 | Mẫu Kế hoạch 5 năm và Báo cáo thực hiện kế hoạch 5 năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm *(Dùng cho cơ sở hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, cơ sở chế biến, gia công sản phẩm trong nông nghiệp)* |
| Mẫu 2.2 | Mẫu Kế hoạch 5 năm và Báo cáo thực hiện kế hoạch 5 năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm *(Dùng cho cơ sở sản xuất điện)* |
| Mẫu 2.3 | Mẫu Kế hoạch 5 năm và Báo cáo thực hiện kế hoạch 5 năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm *(Dùng cho tòa nhà trụ sở, văn phòng làm việc, nhà ở; cơ sở giáo dục, y tế, vui chơi giải trí, thể dục, thể thao; khách sạn, siêu thị, nhà hàng, cửa hàng, cơ quan đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước)* |
| Mẫu 2.4 | Mẫu Kế hoạch 5 năm và Báo cáo thực hiện kế hoạch 5 năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm *(Dùng cho các cơ sở hoạt động trong lĩnh vực Giao thông vận tải)* |
| Mẫu 2.5 | Mẫu Kế hoạch 5 năm và Báo cáo thực hiện kế hoạch 5 năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm *(Dùng cho cơ sở đánh bắt thủy, hải sản; máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp)* |
| Mẫu 2.6 | Mẫu Kế hoạch 5 năm và Báo cáo thực hiện kế hoạch 5 năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm *(Dùng cho cơ sở thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp)* |

### **Mẫu 2.1**

**MẪU KẾ HOẠCH 5 NĂM VÀ BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ CỦA CƠ SỞ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM**

*(Dùng cho cơ sở hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, cơ sở chế biến, gia công sản phẩm trong nông nghiệp)*

**KẾ HOẠCH 5 NĂM**

**VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

[Tên cơ sở] báo cáo kế hoạch 5 năm [từ năm N đến năm N+4] Ngày lập báo cáo […/../……]

Mã số ID: [Ghi mã số do Hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia cấp]

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày tháng năm nhận báo cáo (kể cả các lần bổ sung hồ sơ báo cáo) | [Dành cho Sở Công Thương ghi] |
| Ngày tháng năm xử lý, phê duyệt báo cáo | [Dành cho Sở Công Thương ghi] |

Phân ngành: Lựa chọn theo các phân ngành trong hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia http://dataenergy.vn ……………………………........………………………………

Tên cơ sở: ……………………………........…………………………….

Mã số thuế: ……………………………........……………………………. ....

Điạ chỉ: ...………………………..............[Tên Huyện ….] [Tên Tỉnh …..]

Người chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo: ..............................................................

Điện thoại: ..........................Fax: …............................, Email: .…….......……

Trực thuộc (tên công ty mẹ): ...............................................................................

Điạ chỉ: ...……………………………….[Tên Huyện ….] [Tên Tỉnh …..]

Điện thoại: .......................... Fax: …............................, Email: .…….......…

Chủ sở hữu: (Nhà nước/ thành phần kinh tế khác)

**I. Thông tin về cơ sở và** **sản phẩm**

**1.1 Năng lực sản xuất của cơ sở**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| (chọn đơn vị đo phù hợp với loại sản phẩm là tấn/năm; m/năm; m2/năm; m3/giờ v.v…) | | | |
| **Năng lực SX**  **Tên sản phẩm** | **Đơn vị đo** | **Theo thiết kế** | **Mức sản xuất hiện tại** |
| ……. |  |  |  |

**1.2. Kết quả thực hiện kế hoạch** *(Tổng hợp từ báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm chuyển qua)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **­­­­Năm** | 20…. | 20…. | 20….. | 20….. | 20…. |
| **Giải pháp 1:** *(Tên giải pháp)* | | | | | |
| Mức tiết kiệm năng lượng - Dự kiến theo kế hoạch *(kWh)* |  |  |  |  |  |
| Mức tiết kiệm năng lượng - Thực tế đạt được *(kWh)* |  |  |  |  |  |
| Mức tiết kiệm năng lượng - Dự kiến theo kế hoạch (%) |  |  |  |  |  |
| Mức tiết kiệm năng lượng - Thực tế đạt được (%) |  |  |  |  |  |
| Mức tiết kiệm chi phí - Dự kiến theo kế hoạch *(Triệu đồng)* |  |  |  |  |  |
| Mức tiết kiệm chi phí - Thực tế đạt được *(Triệu đồng)* |  |  |  |  |  |
| Chi phí - Dự kiến theo kế họach *(Triệu đồng)* |  |  |  |  |  |
| Chi phí - Thực tế thực hiện *(Triệu đồng)* |  |  |  |  |  |
| **Giải pháp 2:** *(Tên giải pháp)* | | | | | |
| Mức tiết kiệm năng lượng - Dự kiến theo kế hoạch *(kWh)* |  |  |  |  |  |
| ……………… |  |  |  |  |  |

**II. Kế hoạch, mục tiêu tiết kiệm và sử dụng hiệu quả năng lượng trong 5 năm tới**

**2.1. Các giải pháp và dự kiến kết quả**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Giải pháp TKNL  dự kiến áp  dụng | Năm bắt đầu | Năm kết thúc | Mục tiêu tiết kiệm, sử dụng hiệu quả NL | | | | | |
| Loại nhiên  liệu | Mô tả giải  pháp | Mức TKNL  dự kiến đạt được | Dự kiến chi phí  *(Tr. đồng)* | Hoàn vốn  *(năm)* | Mức cam kết  và khả năng thực hiện (2) |
| 1…  2…  3…. |  |  |  |  | Mức TK …………*(Đơn vị đo)* Tương đương (1) ……... % Thành tiền … tr.đ  Lợi ích khác *(là gì?)* |  |  |  |

*Ghi chú:* (1) So với mục đích sử dụng (ví dụ chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ, phụ tải cho thiết bị chuyển động, v.v…), không so với tổng năng lượng sử dụng.

(2) Cho biết khả năng thực hiện (ví dụ: từ 0 đến 100%); mức đảm bảo (thấp, trung bình, cao).

***Cam kết***

Được sự ủy quyền của Giám đốc Công ty [Tên Công ty] về việc dự thảo và báo cáo kế hoạch năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm [năm N] của [Tên Công ty hoặc Chi nhánh/Nhà máy trực thuộc được báo cáo trong kế hoạch], tôi cam kết đã kiểm tra kỹ các dữ liệu trong báo cáo, đảm bảo các dữ liệu là chính xác theo hiểu biết của bản thân tôi và xin chịu trách nhiệm về các dữ liệu đã báo cáo.

*Ngày báo cáo […/../….]*

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập kế hoạch** | **Người đứng đầu cơ sở duyệt** |

### **Mẫu 2.2**

**MẪU KẾ HOẠCH 5 NĂM VÀ BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ CỦA CƠ SỞ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM**

*(Dùng cho cơ sở sản xuất điện)*

**KẾ HOẠCH 5 NĂM**

**VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

**[Tên cơ sở]** báo cáo kế hoạch 5 năm [từ năm N đến năm N+4] Ngày lập báo cáo [../../……]

Mã số ID: [Ghi mã số do Hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia cấp]

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày tháng năm nhận báo cáo (kể cả các lần bổ sung hồ sơ báo cáo) | [Dành cho Sở Công Thương ghi] |
| Ngày tháng năm xử lý, phê duyệt báo cáo | [Dành cho Sở Công Thương ghi] |

Phân ngành: Lựa chọn theo các phân ngành trong hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia http://dataenergy.vn ……………………………........…………………………

Tên cơ sở: ……………………………........…………………………….

Mã số thuế: ……………………………........……………………………. ....

Điạ chỉ: ...………………………..............[Tên Huyện ….] [Tên Tỉnh …..]

Người chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo: ..............................................................

Điện thoại: ..........................Fax: …............................, Email: .…….......……

Trực thuộc (tên công ty mẹ): ...............................................................................

Điạ chỉ: ...……………………………….… [Tên Huyện ….] [Tên Tỉnh …..]

Điện thoại: .......................... Fax: …............................, Email: .…….......…

Chủ sở hữu: (Nhà nước/ thành phần kinh tế khác)

**I. Thông tin về cơ sở và** sản **phẩm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **1.1 Năng lực sản xuất của cơ sởNhiên liệu sử dụng** | **Loại nhiên liệu** | **Khối lượng SD/năm** | **Nhiệt trị thấp** *(kJ/kg)* |
| Nhiên liệu chính  Nhiên liệu thay thế  Nhiên liệu phụ trợ 1  Nhiên liệu phụ trợ 2 |  |  |  |

| **Số tổ máy** | **Công suất** *(MW)* | **Hiệu suất thiết kế** | **Hiệu suất vận hành trung bình** | **Số tổ máy** | **Công suất** *(MW****)*** | **Hiệu suất thiết kế** | **Hiệu suất vận hành trung bình** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tổ máy 1 |  |  |  | Tổ máy 3 |  |  |  |
| Tổ máy 2 |  |  |  | Tổ máy 4 |  |  |  |

*(Các nội dung khác theo Mẫu 2.1, mục* **1.2; II***)*

### **Mẫu 2.3**

**MẪU KẾ HOẠCH 5 NĂM VÀ BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

**CỦA CƠ SỞ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM**

*(Dùng cho tòa nhà, trụ sở, văn phòng làm việc, nhà ở; cơ sở giáo dục, y tế, vui chơi giải trí, thể dục, thể thao; khách sạn, siêu thị, nhà hàng, cửa hàng, cơ quan đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước)*

**KẾ HOẠCH 5 NĂM**

**VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

**[Tên cơ sở]** báo cáo kế hoạch 5 năm [từ năm N đến năm N+4] Ngày lập báo cáo [../../……]

Mã số ID: [Ghi mã số do Hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia cấp]

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày tháng năm nhận báo cáo (kể cả các lần bổ sung hồ sơ báo cáo) | [Dành cho Sở Công Thương ghi] |
| Ngày tháng năm xử lý, phê duyệt báo cáo | [Dành cho Sở Công Thương ghi] |

Phân ngành: Lựa chọn theo các phân ngành trong hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia http://dataenergy.vn ……………………………........…………………………

Tên cơ sở: ……………………………........…………………………….

Mã số thuế: ……………………………........……………………………. ....

Điạ chỉ: ...……………………….............. [Tên Huyện ….] [Tên Tỉnh …..]

Người chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo: ..............................................................

Điện thoại: .......................... Fax: …............................, Email: .…….......……

Trực thuộc (tên công ty mẹ): ...............................................................................

Điạ chỉ: ...……………………………….… [Tên Huyện ….] [Tên Tỉnh …..]

Điện thoại: .......................... Fax: …............................, Email: .…….......…

Chủ sở hữu: (Nhà nước/ thành phần kinh tế khác)

**I. Thông tin về cơ sở hạ tầng và hoạt động**

* 1. **Thông tin về cơ sở hạ tầng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm đưa tòa nhà vào hoạt động |  | Loại công trình |  |
| Tổng diện tích mặt sàn | ……m2 | Số tầng |  |
| Tổng diện tích được bao che | ……m2 | Tổng diện tích bán bao che | ……m2 |
| Tổng diện tích không bao che | ……m2 | Diện tích được ĐHNĐ (1) | ……m2 |
| Tổng diện tích văn phòng | ……m2 | Số phòng làm việc |  |
| Tổng diện tích các phòng họp | ……m2 | Số phòng họp |  |
| Diện tích cho thuê làm cửa hàng | ……m2 | Số cửa hàng |  |
| Diện tích khu căng - tin, phục vụ | ……m2 | Diện tích khu giải trí | ……m2 |

Ghi chú: (1) ĐHNĐ - Điều hòa nhiệt độ.

*(Các nội dung khác theo Mẫu 2.1, mục* **1.2, II***)*

### **Mẫu 2.4**

**MẪU KẾ HOẠCH 5 NĂM VÀ BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ CỦA CƠ SỞ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM**

*(Dùng cho các cơ sở hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải)*

**KẾ HOẠCH 5 NĂM**

**VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

[*Tên cơ sở*] báo cáo kế hoạch 5 năm [từ năm N đến năm N+4] Ngày lập báo cáo [../../……]

Mã số ID: [*Ghi mã số do Hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia cấp*]

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày tháng năm nhận báo cáo (kể cả các lầni bổ sung hồ sơ báo cáo) | [Dành cho Sở Công Thương ghi] |
| Ngày tháng năm xử lý, phê duyệt báo cáo | [Dành cho Sở Công Thương ghi] |

Phân ngành: Lựa chọn theo các phân ngành trong hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia http://dataenergy.vn ……………………………........………………………

Tên cơ sở: ……………………………........……………………………………..….

Mã số thuế: ……………………………........……………………………. ……......

Địa chỉ: ...………………………........................... [Tên Huyện ….] [Tên Tỉnh …..]

Người chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo: ............................................................

Điện thoại: .......................... Fax: …..........................., Email: .…….......…...….......

Trực thuộc (tên công ty mẹ): ......................................................................................

Địa chỉ: ...……………………………….… [Tên Huyện ….] [Tên Tỉnh …..]

Điện thoại: .......................... Fax: …............................, Email: .…….......………….

Chủ sở hữu: *(Nhà nước/thành phần kinh tế khác)*

**I. Thông tin về cơ sở và hoạt động**

**1.1. Năng lực sản xuất hiện tại**

| **Năng lực phương tiện của cơ sở** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại phương tiện** | **Số lượng**  ***(****chiếc)* | **Loại nhiên liệu** | **Năng lực vân chuyển/năm** | |
| *H.khách x km* | *Tấn x km* |
| Xe taxi |  |  |  |  |
| Xe buýt |  |  |  |  |
| Xe ô tô khách (trừ xe taxi và xe buýt) |  |  |  |  |
| Xe ô tô tải các loại |  |  |  |  |
| Tàu hỏa |  |  |  |  |
| Tàu biển |  |  |  |  |
| Phương tiện thủy nội địa |  |  |  |  |
| Tàu bay |  |  |  |  |
| Phương tiện khác |  |  |  |  |

*(Các nội dung khác theo Mẫu 2.1, mục:***1.2; II***)*

### **Mẫu 2.5**

**MẪU KẾ HOẠCH 5 NĂM VÀ BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ CỦA CƠ SỞ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM**

*(Dùng cho cơ sở đánh bắt thủy, hải sản; máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp)*

**KẾ HOẠCH 5 NĂM**

**VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

[*Tên cơ sở*] báo cáo kế hoạch 5 năm [từ năm N đến năm N+4] Ngày lập báo cáo [../../……]

Mã số ID: [*Ghi mã số do Hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia cấp*]

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày tháng năm nhận báo cáo (kể cả các lần bổ sung hồ sơ báo cáo) | [Dành cho Sở Công Thương ghi] |
| Ngày tháng năm xử lý, phê duyệt báo cáo | [Dành cho Sở Công Thương ghi] |

Phân ngành: Lựa chọn theo các phân ngành trong hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia http://dataenergy.vn ……………………………........………………………

Tên cơ sở: ……………………………........……………………………………..….

Mã số thuế: ……………………………........……………………………. ……......

Địa chỉ: ...………………………........................... [Tên Huyện ….] [Tên Tỉnh …..]

Người chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo: ............................................................

Điện thoại: .......................... Fax: …..........................., Email: .…….......…...….......

Trực thuộc (tên công ty mẹ): ......................................................................................

Địa chỉ: ...……………………………….… [Tên Huyện ….] [Tên Tỉnh …..]

Điện thoại: .......................... Fax: …............................, Email: .…….......………….

Chủ sở hữu: *(Nhà nước/thành phần kinh tế khác)*

**I. Thông tin về cơ sở hạ tầng và sản phẩm**

**1.1. Năng lực sản xuất hiện tại**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại phương tiện** | **Số lượng**  ***(****chiếc)* | **Loại nhiên liệu/ năng lượng** |
|
| -       Tàu đánh bắt cá |  |  |
| -      Tàu thủy/thuyền |  |  |
| -       Máy kéo |  |  |
| -       Máy cày |  |  |
| -       Máy gặt đập |  |  |
| -       Máy tuốt lúa |  |  |
| -       Ô tô tải |  |  |
| *….* |  |  |

*(Các nội dung khác theo Mẫu 2.1, mục****:* 1.2; II***)*

**Mẫu 2.6**

**Mẫu Kế hoạch năm năm và Báo cáo thực hiện kế hoạch năm năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm**

*(Dùng cho cơ sở thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp)*

**KẾ HOẠCH NĂM NĂM**

**VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

**[*Tên cơ sở*]** báo cáo kế hoạch 5 năm **[**giai đoạn*từ .…. đến …..***].** Ngày lập báo cáo **[../../……]**

Mã số ID: **[***Ghi mã số do Hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia cấp***]**

|  |  |
| --- | --- |
| ❖ Ngày tháng năm nhận báo cáo | *[Dành cho Sở Công Thương ghi]* |
| ❖ Ngày tháng năm xử lý, xác nhận | *[Dành cho Sở Công Thương ghi]* |

Phân ngành: Lựa chọn theo các phân ngành trong hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia http://dataenergy.vn ……………………………........………………………

Tên cơ sở: ……………………………........……………………………………..….

Mã số thuế: ……………………………........……………………………. ……......

Địa chỉ: ...………………………........................... [Tên Huyện ….] [Tên Tỉnh …..]

Người chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo: ............................................................

Điện thoại: .......................... Fax: …..........................., Email: .…….......…...….......

Trực thuộc (tên công ty mẹ): ......................................................................................

Địa chỉ: ...……………………………….… [Tên Huyện ….] [Tên Tỉnh …..]

Điện thoại: .......................... Fax: …............................, Email: .…….......………….

Chủ sở hữu: *(Nhà nước/thành phần kinh tế khác)*

**I. Thông tin về cơ sở hạ tầng và hoạt động**

**1.1. Năng lực sản xuất hiện tại**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hạng mục** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** |
| Diện tích đất được phục vụ tưới tiêu | *ha* |  |
| Số trạm bơm | *(trạm)* |  |
| Số lượng bơm | *(chiếc)* |  |
| Tổng công suất sử dụng điện cho bơm | *kW* |  |
| Khối lượng nước bơm hàng ngày | *m3/ngày* |  |
| *….* |  |  |

*(Các nội dung khác theo Mẫu 2.1, mục:****1.2; II****)*